

Số: 34/2026/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 27 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 114/TTr-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 95/BC-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Người nộp phí: Các tổ chức và cá nhân được phép sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố vào các mục đích theo quy định tại khoản 1, Điều 21 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ (không bao gồm đối tượng phải nộp phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang).

- b) Tổ chức thu phí: Ủy ban nhân dân phường.
c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nội dung thu và mức thu phí

1. Đối với phương tiện là xe cơ giới đường bộ

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
1	Xe ô tô chở người đến dưới 08 chỗ (không kể chỗ ngồi của lái xe); xe tải, xe chuyên dùng có khối lượng toàn bộ dưới 4.000 kg.	đồng/xe/lượt	10.000
		đồng/xe/tháng	150.000
2	Xe ô tô chở người từ 08 chỗ trở lên đến dưới 24 chỗ (không kể chỗ ngồi của lái xe); xe tải, xe chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 4.000 kg đến dưới 8.500 kg.	đồng/xe/lượt	15.000
		đồng/xe/tháng	200.000
3	Xe ô tô chở người từ 24 chỗ (không kể chỗ ngồi của lái xe) đến dưới 39 chỗ (không kể chỗ ngồi của lái xe).	đồng/xe/lượt	20.000
		đồng/xe/tháng	250.000
4	Xe ô tô chở người từ 39 chỗ (không kể chỗ ngồi của lái xe) trở lên.	đồng/xe/lượt	25.000
		đồng/xe/tháng	300.000

2. Đối với các đối tượng tạm thời sử dụng lòng đường, hè phố theo diện tích đất được phép sử dụng:

a) Nội dung thu:

- Sử dụng tạm thời một phần hè phố để làm điểm trung chuyển vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình của hộ gia đình, công trình thi công của các tổ chức, cá nhân.

- Sử dụng tạm thời một phần lòng đường để làm điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị.

- Sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố để trông giữ xe.

- Sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố vào mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác.

b) Mức thu theo tháng = Diện tích đất được phép sử dụng (m²) x 0,5% x giá 1m² đất thương mại, dịch vụ theo Bảng giá đất được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

Điều 3. Chế độ thu, nộp phí

Quản lý và sử dụng nguồn thu phí: Tổ chức thu phí nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước; thực hiện kê khai, nộp phí vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 6 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 84/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Về phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

b) Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Ban hành Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Bãi bỏ số thứ tự 43 mục V Phụ lục IV và số thứ tự 45 mục V Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Khóa XX, Kỳ họp thứ ba (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 5 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hầu Minh Lợi